

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2018/DS - ST**
Ngày 23 – 11 – 2018.
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
- Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan;
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 165/2018/TLST – DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2018/QĐST-DS ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1949 (Có mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: Số 6, tổ 8, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Quang V – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Bà Phạm Thị D, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ nơi cư trú: số 15/8, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Nguyễn Văn B trình bày tại phiên tòa:*

Ngày 30/11/2017, ông B có cho ông S và bà D vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng (tính từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/05/2018). Từ khi nhận tiền, ông S, bà D chỉ trả lãi cho ông được một tháng đầu với số tiền là 6.000.000đ thì ngưng, vốn vay hiện nay chưa trả. Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà D cùng chịu trách nhiệm trả số nợ gốc là 200.000.000đ. Đối với tiền lãi, ông B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ khi vay (30/11/2017) cho đến ngày xét xử vụ án, riêng số tiền lãi 6.000.000đ đã nhận ông B đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi do Tòa án tính theo quy định pháp luật.

** Bị đơn: Ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.*

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

- Nguyên đơn ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và không có bổ sung.

- Bị đơn ông S và bà D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

- Ông V – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông S và bà D cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông B số tiền gốc là 200.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/12/2017 đến ngày xét xử. Riêng số tiền lãi đã nhận tháng đầu là 6.000.000đ ông B và đồng ý khấu trừ vào lãi.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố L không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông B và ông S và bà D là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông S và bà S theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay

ông S và bà D vẫn không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính “Giấy vay tiền” ngày 30/11/2017. Nội dung Giấy vay tiền thể hiện: Ông S và bà D có nhận của ông B số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng (tính từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/05/2018).

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S và bà D vẫn không có mặt để trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông B cũng như không có ý kiến đối với chứng cứ là Giấy vay tiền ngày 30/11/2017 mà Tòa án đã thông báo cho bị đơn bằng Thông báo số 112/2018/TB - TA, ngày 28/9/2018 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Như vậy, ông S và bà D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72. Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lời khai và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Ông B trình bày, sau khi nhận đủ tiền vay và hết thời hạn thỏa thuận ông S và bà D chưa trả vốn cho ông nhưng có trả lãi được tháng đầu với số tiền 6.000.000đ thì ngưng. Ông B đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà D trả nợ nhưng ông bà không thực hiện. Như vậy, ông S và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về lãi suất: Ông B xác định ông S và bà D chỉ trả lãi cho ông được một tháng đầu với số tiền là 6.000.000đ thì ngưng, vốn vay hiện nay chưa trả. Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S và bà D cùng chịu trách nhiệm trả số nợ gốc là 200.000.000đ. Đối với tiền lãi, ông B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/12/2017 cho đến ngày xét xử vụ án, riêng số tiền lãi 6.000.000đ đã nhận ông B không đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B có cung cấp cho Tòa án bản chính giấy vay tiền trong đó thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 5%/tháng.

Tại phiên tòa, ông B chỉ yêu cầu tính mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 30/11/2017 đến ngày xét xử và đồng ý khấu trừ 6.000.000đ lãi đã nhận vào lãi vay. Tuy nhiên, do lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng là vượt quá lãi suất quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 điều chỉnh lại mức lãi suất như sau:

$200.000.000đ \times 1.66\%/tháng (20\%/năm) \times 11 \text{ tháng } 23 \text{ ngày (từ } 30/11/2017 \text{ đến } 23/11/2018) - 6.000.000đ \text{ (Lãi đã nhận)} = 33.532.000đ \text{ (Ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).}$

Tổng cộng gốc và lãi là: $200.000.000đ + 33.532.000đ = 233.532.000đ$ (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

- Bị đơn ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.676.600đ (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 26; điểm đ, khoản 1 Điều 12; điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền là 233.532.000đ (Hai trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.
- Ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là 11.676.600đ (Mười một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.
- Ông Nguyễn Thế S và bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.L;
- THADS TP. L;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang